



KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÁNG MỘT NĂM 2026

*Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu
tháng 01 năm 2026 so với cùng kỳ (%)*



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

▲ 23,39%



Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN

▲ 1,19%



**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và
doanh thu dịch vụ tiêu dùng**

▲ 10,53%



**Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch
vụ hỗ trợ**

▲ 16,95%



Chỉ số giá tiêu dùng bình quân

▲ 2,31%



Diện tích gieo trồng cây lúa đông xuân

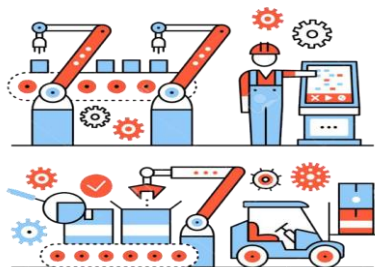
▼ 22,47%

CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 01 năm 2026 (so với cùng kỳ)

Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành

▲ 23,39%



Chế biến, chế tạo

▲ 23,80%



Điện

▲ 20,73%



Cung cấp nước; xử lý rác thải, nước thải

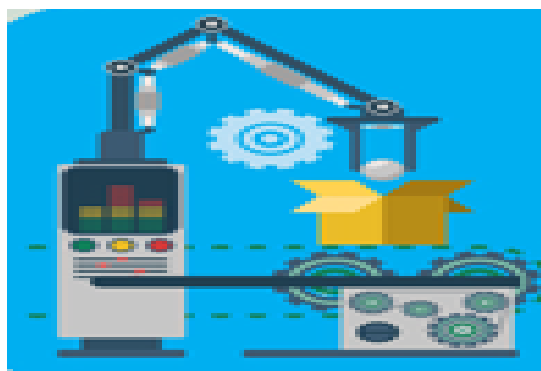
▲ 3,31%

Chỉ số sản xuất một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ yếu



▲ 9,71%

Sản xuất đồ uống



▲ 33,42%



Sản xuất da

▲ 16,14%



Sản xuất trang phục



▲ 22,04%

Sản xuất chế biến thực phẩm



▲ 87,51%

Gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ

VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

Tháng 01 năm 2026 (so với cùng kỳ)



Vốn ngân sách
Nhà nước
cấp thành phố

929,02 Tỷ đồng

▲ 8,82%

Tổng vốn đầu tư
thực hiện

1.150,62 Tỷ đồng

▲ 1,19%

Vốn ngân sách
Nhà nước
cấp xã/phường

221,60 Tỷ đồng

▼ 21,79%

DOANH NGHIỆP THÁNG 01/2026 (so với tháng trước)

Doanh nghiệp
đăng ký mới

690 Doanh nghiệp

▲ 81,58%

Vốn đăng ký

3.360,84 Tỷ đồng

▲ 53,92%



TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG
Tháng 01 năm 2026 (so với cùng kỳ)



Tổng số

20.139,26 Tỷ đồng

▲ 10,53%



**Bán lẻ
hàng hóa**

15.539,66 Tỷ đồng

▲ 12,11%



**Du lịch
lữ hành**

65,83 Tỷ đồng

▲ 11,81%



**Lưu trú,
Ăn uống**

2.686,15 Tỷ đồng

▲ 8,09%



**Dịch vụ
khác**

1.847,62 Tỷ đồng

▲ 1,70%

DOANH THU VẬN TẢI
Tháng 01 năm 2026 (so với cùng kỳ)



**Tổng
doanh thu**

1.174,68 Tỷ đồng

▲ 16,95%

Trong đó:



Vận tải hành khách

390,62 Tỷ đồng

▲ 14,49%



Vận tải hàng hóa

600,71 Tỷ đồng

▲ 11,80%



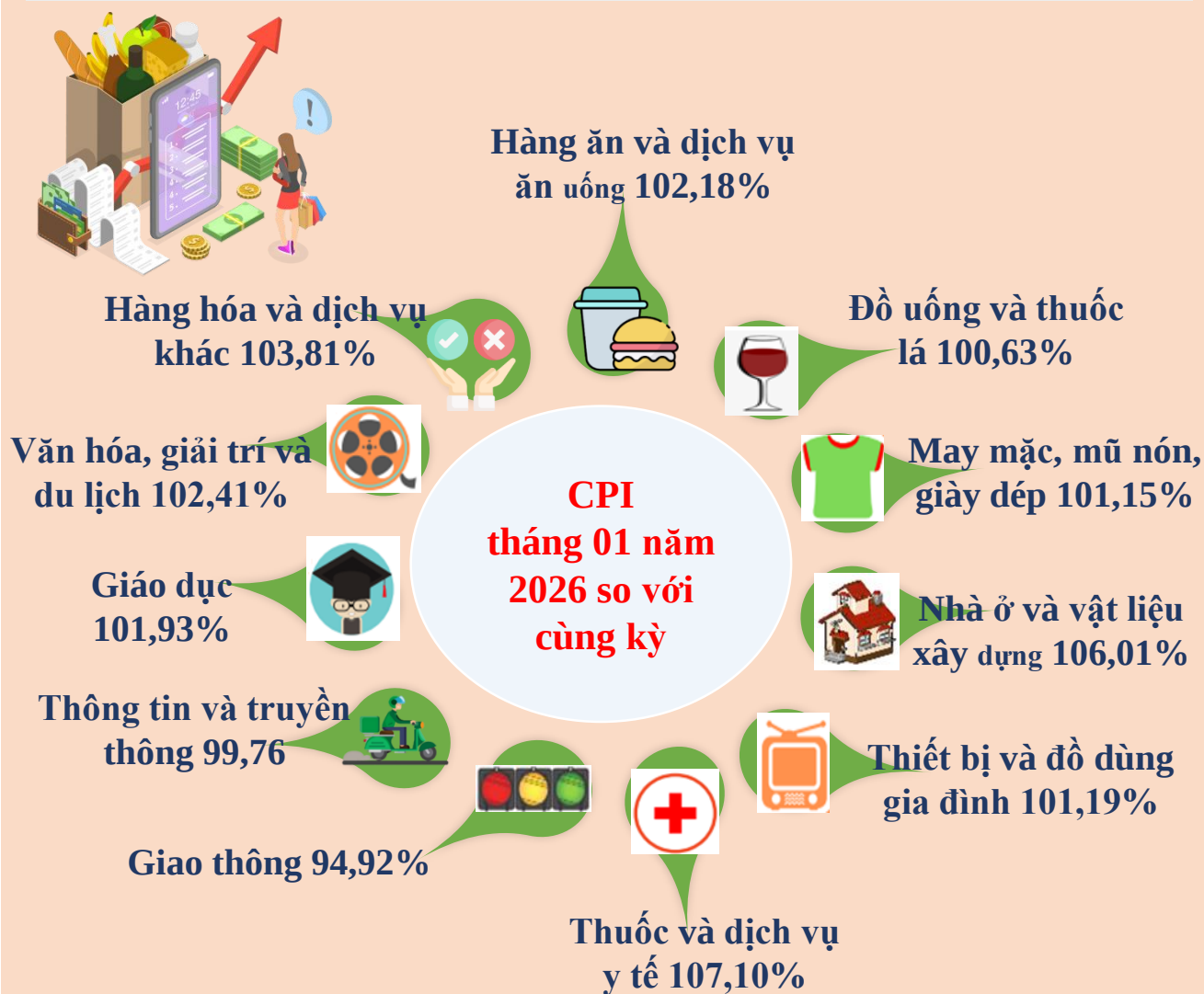
**Dịch vụ hỗ trợ
vận tải**

123,61 Tỷ đồng

▲ 15,57%

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 01/2026 SO VỚI CÙNG KỲ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01 năm 2026 tăng 0,08% so với tháng trước và tăng 2,31% so với cùng kỳ.



CHỈ SỐ GIÁ VÀNG

180,18%



CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ

103,61%



SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Tháng 01/2026 (so với cùng kỳ)



247.107 Ha



22,47%

Lúa đông xuân



1.145 Ha



20,32%

Ngô

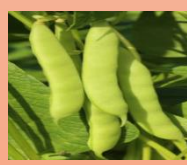


49,62 Ha



7,03%

Khoai lang



14.198 Ha



2,31%

Rau, đậu các loại

CHĂN NUÔI, LÂM NGHIỆP

Tháng 01/2026 (so với cùng kỳ)



16.581

Nghìn
con



15,64%

Đàn gia
cầm



60

Nghìn
con

Đàn
bò



1,77%



4

Nghìn
con

Đàn
trâu



4,29%



503

Nghìn
con

Đàn
heo



3,58%



Trồng cây
phân tán

315

Nghìn cây



1,35%

Sản lượng gỗ

11.360 m³



0,09%

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN 01 THÁNG NĂM 2026

(so với cùng kỳ)

Tổng số
17.911 tấn



6,18%

Trong
đó:

Khai
thác biển

4.763 tấn



6,39%

Nuôi trồng

12.910 tấn



6,18%